

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN SINH HỌC KHỐI 10
NĂM HỌC 2023-2024

I. Trắc nghiệm

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
101	D	B	A	D	B	D	B	A	A	C	C	D	C	D	C	C
102	C	C	D	B	C	D	A	B	A	C	A	D	B	A	C	B
103	C	C	A	D	C	A	C	D	A	C	C	B	D	B	B	C
104	B	D	B	B	A	C	B	A	A	A	A	D	C	B	A	C

II. Phần tự luận

Câu 1. (1.5 điểm)

a. Kể được 4 dạng năng lượng trong tế bào. 0,25

b. Khái niệm sự chuyển hóa năng lượng trong tế bào. 0,25

Ví dụ chứng minh. 0,5 (chỉ nêu được VD 0,25)

Nêu được ý nghĩa sự chuyển hóa năng lượng trong ví dụ 0,5

Câu 2. (2.25 điểm)

a. Các loại ion hấp thụ thụ động: K^+ , Mg^{2+} ; Zn^{+2} vì nồng độ các ion này trong dung dịch đất lớn hơn trong dung dịch tế bào lông hút 0,5

ion hấp thụ chủ động: Ca^{+2} vì nồng độ các ion này trong dung dịch đất nhỏ hơn trong dung dịch tế bào lông hút 0,5

b. Phân biệt sự khác nhau giữa 2 hình thức vận chuyển

Đặc điểm	Vận chuyển thụ động	Vận chuyển chủ động
Chiều vận chuyển	Cùng chiều gradient nồng độ (hoặc từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp)	Ngược chiều gradient nồng độ (hoặc từ nơi có nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao)
Năng lượng tiêu tốn	Không tiêu dùng năng lượng ATP	Phải tiêu dùng năng lượng ATP
Con đường	Qua lớp phospholipid Qua kênh protein đặc hiệu	Qua kênh protein đặc hiệu
Cơ chế	Theo nguyên lí khuếch tán	Không theo nguyên lí khuếch tán

Câu 3. (2.25 điểm)

a. Giống nhau 0,5

- Đều có 3 thành phần cơ bản gồm màng sinh chất, tế bào chất, vùng nhân 0,25

- Có nhiều bào quan trong tế bào chất 0,25

* Sự khác nhau về đặc điểm giữa tế bào thực vật và tế bào động vật 1,25

Nội dung	Tế bào thực vật	Tế bào động vật
Thành cellulose	Có	Không có
Lục lạp	Có	Không có
Không bào	Lớn	Nhỏ
Trung tử	Không có	Có
lysosome	Không có	Có

- Đặc điểm cấu trúc thích nghi riêng 0,5

b. Tế bào thực vật có lục lạp thích nghi với lối sống tự dưỡng 0,25

Tế bào động vật không có lục lạp thích nghi với lối sống dị dưỡng 0,25